

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22TTB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐTN. 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122115	Thạch Nhựt	Minh	13/12/2004	Nam	8.8	3,3	6,1	014	<u>ĐD</u>		
2	110122116	Lâm Văn	Na	01/01/2003	Nam	8.3	3,3	5,8	015	<u>Na</u>		
3	110122128	Thạch	Nhanh	17/11/2004	Nam	8.3	4,8	6,6	016	<u>Thạch</u>		
4	110122136	Thạch Sô	Phát	07/06/2000	Nam	8.3	5,0	6,7	017	<u>Thạch</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ngọc Luyến

Cán bộ ghi điểm: Đào Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

2611
D71-109

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22TTC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024

Phòng thi: D71-109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122029	Nguyễn Hoài An	08/11/2004	Nam	8.3	4,0	6,2	001	An		
2	110122161	Nguyễn Thanh Thiên	19/01/2004	Nam	8.3	5,5	6,9	002	Thiên		
3	110122162	Trần Nhựt Thiên	18/03/2004	Nam	7.5	7,0	7,3	003	Thiên		
4	110122163	Châu Thanh Thiện	16/05/2004	Nam	9.3	5,3	7,3	004	Thiên		
5	110122164	Kim Ngọc Thiện	21/07/2004	Nam	8.3	3,8	6,1	005	Thiên		
6	110122169	Huỳnh Phước Thọ	28/08/2003	Nam	9.8	5,5	7,2	006	Thọ		
7	110122170	Trần Chí Trường Thọ	16/04/2004	Nam	7.5	3,0	5,3	007	Thọ		
8	110122172	Nguyễn Quỳnh Thông	29/03/2004	Nam	8.0	4,3	6,2	008	Thông		
9	110122174	Nguyễn Võ Minh Thư	22/04/2003	Nữ	8.8	4,3	6,6	009	Thư		
10	110122175	Nguyễn Huỳnh Kỳ Thuật	16/03/2004	Nam	10.0	5,3	7,7	010	Thuật		
11	110122177	Nguyễn Hoài Thương	14/10/2003	Nam	7.5	4,8	6,2	011	Thương		
12	110122178	Thạch Ngọc Hoài Thương	29/12/2004	Nữ	9.0	4,3	6,7	012	Thương		
13	110122180	Thạch Nhật Thượng	09/10/1999	Nam	8.3	6,0	7,2	013	Thượng		
14	110122181	Tô Đoàn Nguyệt Thủy	25/03/2004	Nữ	8.8	6,3	7,6	014	Thủy		
15	110122183	Phạm Thành Tín	25/07/2004	Nam	9.0	4,5	6,8	015	Tín		
16	110122186	Võ Phước Toàn	11/03/2003	Nam	9.0	4,5	6,8	016	Toàn		
17	110122187	Nguyễn Kế Tông	16/03/2004	Nam	8.5	6,0	7,3	017	Tông		
18	110122188	Nguyễn Văn Tông	19/11/2004	Nam	8.3	8,0	8,2	018	Tông		
19	110122190	Nguyễn Thị Huyền Trân	09/06/2004	Nữ	8.5	5,8	7,2	019	Trân		
20	110122191	Kim Thạch Minh Trí	19/08/2004	Nam	8.0	5,0	6,5	020	Trí		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: ĐHL Đặng Sơn Hậu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thạch Cao Dương Phước Loan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

26/1

D71.110

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22TTC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122192	Nguyễn Dương Trí	15/11/2003	Nam	7.3						
2	110122193	Thạch Thị Huệ	17/02/2004	Nữ	8.5	6.5	7.5	002	<u>huệ</u>		
3	110122195	Nguyễn Thành Trung	02/03/2004	Nam	9.3	9.3	6.8	003	<u>trung</u>		
4	110122196	Lê Xuân Trường	24/07/2004	Nam	9.3	5.8	7.6	004	<u>Trương</u>		
5	110122197	Nguyễn Nhật Trường	26/10/1997	Nam	8.5	5.8	7.2	005	<u>Trương</u>		
6	110122201	Hồ Quang Vinh	25/08/2004	Nam	8.0	5.3	6.7	006	<u>hu</u>		
7	110122202	Kim Ngọc Vinh	17/11/2004	Nam	7.8	3.5	5.7	007	<u>Kim</u>		
8	110122203	Nguyễn Huỳnh Phú	12/08/2004	Nam	8.5	5.0	6.8	008	<u>huỳnh</u>		
9	110122204	Nguyễn Phú	26/05/2004	Nam	8.0	4.5	6.3	009	<u>phú</u>		
10	110122205	Nguyễn Phúc	24/12/2004	Nam	8.3	4.8	6.6	010	<u>phúc</u>		
11	110122206	Nguyễn Thành	22/12/2004	Nam	8.3	5.8	7.1	011	<u>thành</u>		
12	110122207	Phạm Quang Vinh	11/12/2004	Nam	9.5	5.3	7.4	012	<u>phạm</u>		
13	110122208	Phạm Thế Vinh	10/12/2004	Nam	8.3	7.0	7.7	013	<u>thế</u>		
14	110122210	Trần Nguyên Vũ	20/10/2003	Nam	8.0						
15	110122211	Hứa Thị Thảo Vy	12/04/2004	Nữ	8.5	4.8	6.7	015	<u>thảo</u>		
16	110122233	Nguyễn Khắc Nguyên	05/04/2004	Nam							cam Hoi
17	110122235	Huỳnh Quốc Nhân	13/04/2004	Nam	8.0	4.8	6.4	017	<u>quốc</u>		
18	110122237	Đinh Thị Yến Nhi	03/07/2004	Nam	8.5	5.0	6.8	018	<u>thị</u>		
19	110122239	Đặng Hoàng Phước	06/05/2003	Nam	7.8	4.5	6.2	019	<u>phước</u>		
20	110122240	Châu Thế Quý	05/05/2004	Nam	7.8	4.3	6.1	020	<u>quý</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17Tổng số tờ: 17Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thế NhânCán bộ ghi điểm: Thầy Cao Đức Cường

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: ThầyNguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22TTC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TA

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110122242	Mai Tuấn Quy	07/05/2004	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>Cần Kù</u>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: 00

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Minh

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phước Loan

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ kiểm tra: Mark

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22TTD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.10.1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122028	Liễu Kiện	An	23/05/2004	Nam	7.8	4,3	6,1	001	SM		
2	110122058	Đào Công	Duy	17/06/2004	Nam	7.8	6,3	7,1	002	Thao		
3	110122061	Nguyễn Lê	Duy	26/06/2003	Nam	8.8	6,3	7,6	003	all		
4	110122064	Trương Mỹ	Duyên	18/06/2004	Nữ	7.8	3,5	5,7	004	Trương		
5	110122066	Trương Hoàng	Giang	15/11/2004	Nam	8.5	4,5	6,5	005	Trương		
6	110122068	Võ Chí	Hải	21/02/2004	Nam	8.3	4,8	6,6	006	Thao		
7	110122070	Đỗ Gia	Hào	23/03/2004	Nam	7.3	4,8	6,1	007	Hào		
8	110122071	Lâm Nhật	Hào	21/11/2004	Nam	8.5	4,8	6,7	008	Hào		
9	110122075	Đặng Minh	Hiếu	28/08/2004	Nam	8.5	4,8	6,7	009	Hiếu		
10	110122077	Huỳnh Minh Khai	Hoàn	19/08/2004	Nữ	8.3	5,5	6,9	010	Hoàn		
11	110122078	Nguyễn Văn	Hoàng	18/09/2004	Nam	8.5	4,8	6,7	011	Hoàng		
12	110122079	Nguyễn Phi	Hùng	08/05/2003	Nam	8.5	5,3	6,9	012	Hùng		
13	110122081	Trần Tấn	Hưng	13/02/2004	Nam	8.5	4,5	6,5	013	Hưng		
14	110122082	Châu Thị Mỹ	Hương	15/05/2004	Nữ	8.8	3,3	6,1	014	Thao		
15	110122083	Đỗ Thị Kim	Hương	02/05/2004	Nữ	9.3	4,8	7,1	015	Hương		
16	110122086	Lê Tuấn	Kha	07/01/2004	Nam	8.5	4,0	6,3	016	Kha		
17	110122087	Trần Tấn	Khá	11/03/2004	Nam	8.5	3,8	6,2	017	Khá		
18	110122097	Nguyễn Minh	Khởi	07/12/2004	Nam	8.3	6,5	7,4	018	Khởi		
19	110122100	Huỳnh Quốc	Kiệt	04/01/2004	Nam	8.8	3,0	5,9	019	Kiệt		
20	110122105	Nguyễn Đỗ Thành	Lộc	13/03/2004	Nam	7.3	4,3	5,8	020	Thao		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Nguyễn Tân Thành

Cán bộ ghi điểm: Thao Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thao

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22TTD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.12

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122106	Mai Hồng	Lợi	06/04/2003	Nam	8,5	4,5	6,5	017	<u>L.H.</u>		
2	110122246	Trần Thanh	Thường	07/07/2004	Nam	7,5	5,5	6,5	018	<u>T.T.</u>		
3	110122250	Nguyễn Huỳnh Nhật	Tuyên	02/07/2004	Nữ	8,3	3,5	5,9	019	<u>N.T.</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm:

Trần Cao Đình Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

2611
D71-113

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22DDA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....26...../.....01...../.....2024.....

Phòng thi: D71-113.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115422162	Nguyễn Tấn Đạt	16/11/2004	Nam	8.5	5,0	6.8	001	<u>Đạt</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 1.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16.. tháng 02... năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Thuyết

Cán bộ ghi điểm: Thanh Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Thanh.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22KDB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Thắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024

Phòng thi: 07.1113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122051	Lê Phúc Hưng	30/10/2004	Nam	8.3	4.3	6.3	002	<u>Phúc Hưng</u>		
2	112122053	Huỳnh Gia Huy	19/07/2004	Nam	8.3	3.3	5.8	003	<u>Huy</u>		
3	112122054	Kiều Đức Huy	31/03/2004	Nam	8.0	4.5	6.3	004	<u>Đức Huy</u>		
4	112122062	Phạm Vương Khang	09/02/2004	Nam	8.0	5.3	6.7	005	<u>Phạm Vương Khang</u>		
5	112122078	Nguyễn Trọng Luân	24/09/2004	Nam	8.5	4.5	6.5	006	<u>Luân</u>		
6	112122095	Nguyễn Thanh Phát	08/02/2004	Nam	9.0	3.5	6.3	007	<u>Phát</u>		
7	112122099	Kiên Tưng Phong	10/11/2003	Nam	8.0	3.8	5.9	008	<u>Phong</u>		
8	112122100	Nguyễn Hoàn Phong	16/10/2004	Nam	8.5	3.5	6.0	009	<u>Phong</u>		
9	112122124	Trần Phúc Thịnh	23/11/2004	Nam	9.3	6.5	7.9	010	<u>Phúc Thịnh</u>		
10	112122159	Lê Hồng Phát	14/05/2004	Nam	8.0	3.0	5.5	019	<u>Hồng Phát</u>		
11	112122160	Trần Hoàng Phúc	25/06/2004	Nam	8.5	3.8	6.2	020	<u>Phúc</u>		
12	112122161	Nguyễn Thái Quốc	07/08/2003	Nam	8.5	4.5	6.5	021	<u>Quốc</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Nhựt

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22NNAA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Thi trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024

Phòng thi: 07-113

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422011	Nguyễn Thị Kiều	Linh	04/01/2004	Nữ	<u>9,0</u>	<u>6,0</u>	<u>7,5</u>	<u>011</u>	<u>Khánh</u>		
2	110422018	Thạch Kim	Nguyễn	20/10/2004	Nam	<u>8,8</u>	<u>3,8</u>	<u>6,3</u>	<u>012</u>	<u>Kim</u>		
3	110422028	Phạm Phương	Trang	12/12/2004	Nữ	<u>8,8</u>	<u>4,3</u>	<u>6,6</u>	<u>013</u>	<u>Trang</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Võ Thu An

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Khánh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22NNAC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024

Phòng thi: 071113

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422075	Phan Nhật	Minh	09/08/2004	Nam	9.8	5.8	7.8	014			
2	110422084	Hồ Minh	Nhân	19/09/2004	Nam	10.0	5.0	7.5	015			
3	110422088	Thạch Thị Hồng	Nhi	16/04/2004	Nữ	8.5	3.5	6.0	016			
4	110422093	Nguyễn Mỹ	Phương	05/04/2004	Nữ	9.8	7.5	8.7	017			
5	110422094	Trần Lê Thảo	Phương	22/08/2004	Nữ	9.5	5.3	7.4	018			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 2

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

26/1

ĐH. 114

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22NNAD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
26 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐH. 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422098	Lê Thị Hồng	Tấn	22/02/2004	Nữ	8.0	6,5	7,3	001		
2	110422109	Phan Thị Minh	Thùy	04/04/2004	Nữ	9.8	6,8	8,3	002		
3	110422118	Huỳnh Hương Cát	Tường	08/11/2004	Nữ	8.8	7,0	7,9	003		
4	110422122	Phạm Trần Yên	Vy	29/12/2004	Nữ	9.8	7,0	8,4	004		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ngọc Luyện

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22QLNN

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
26 / 01 / 2024

Phòng thi: D71 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117422001	Lê Thị Thái	An	04/12/2004	Nữ	8.3	4.5	6.4	005	<u>AT</u>		
2	117422002	Trương Trọng	Bảo	16/05/2004	Nam	9.3	4.3	6.8	006	<u>B</u>		
3	117422003	Dương Ngọc	Dung	02/10/2004	Nữ	8.0	5.3	6.7	007	<u>Dung</u>		
4	117422010	Phan Nhật	Phát	05/10/2003	Nam	9.5	6.3	7.9	008	<u>P</u>		
5	117422011	Kiên Quốc	Thắng	09/06/2004	Nam	8.5	5.3	6.9	009	<u>KT</u>		
6	117422013	Trần Gia	Bảo	10/10/2004	Nam	9.3	4.0	6.7	010	<u>B</u>		
7	117422014	Huỳnh Linh	Dương	15/04/2001	Nam	8.0	5.8	6.9	011	<u>HL</u>		
8	117422016	Nguyễn Hữu	Sang	18/07/2004	Nam	9.5	3.0	6.3	012	<u>Sang</u>		
9	117422017	Đoàn Thị Kim	Thoa	22/01/2004	Nữ	8.5	4.8	6.7	013	<u>TK</u>		
10	117422022	Nguyễn Diễm	Ngân	03/01/2004	Nữ	7.5	4.0	5.8	020	<u>DN</u>		
11	117422023	Thạch Thị Phi	Nhận	13/10/2003	Nữ	7.5	5.0	6.3	021	<u>RP</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Luyện

Cán bộ ghi điểm: Thái Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

26/1

DTH-112

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22SPTK

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024

Phòng thi: DTH-112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118222001	Dương Hà Phương An	11/01/2004	Nữ	7.8	5,3	6,6	001	<u>quy</u>		
2	118222002	Phan Tiểu Long	15/08/1996	Nam	9.5	4,0	6,8	002	<u>Thy</u>		
3	118222003	Sơn Thị Kim Nga	04/12/2004	Nữ	9.5	6,5	8,0	003	<u>Kim Nga</u>		
4	118222004	Tia Thị Mỹ Ngọc	07/04/2004	Nữ	8.5	6,3	7,4	004	<u>Tia</u>		
5	118222006	Sơn Thị Sô Thia	30/12/2004	Nữ	8.0	4,5	6,3	005	<u>Thy</u>		
6	118222008	Thạch Thị Ngọc Ánh	19/09/2004	Nữ	8.3	3,8	6,1	006	<u>Ánh</u>		
7	118222009	Chau Chia	10/05/2004	Nam	8.3	6,3	7,3	007	<u>Chau</u>		
8	118222010	Triệu Thị Ngọc Đan	16/10/2004	Nữ	9.0	6,5	7,8	008	<u>Ngan</u>		
9	118222012	Thạch Lâm Minh Duy	18/10/2004	Nam	9.3	6,0	7,7	009	<u>Minh</u>		
10	118222013	Thạch Thị Ngọc Duyên	15/12/2004	Nữ	8.3	4,3	6,3	010	<u>Duy</u>		
11	118222014	Thạch Thị Ngọc Hân	15/04/2004	Nữ	8.5	5,3	6,9	011	<u>Hân</u>		
12	118222016	Thạch Đức Mạnh	21/08/2003	Nam	9.8	4,3	7,1	012	<u>Mạnh</u>		
13	118222017	Chanh Ry Na	18/07/2004	Nữ	8.0	5,0	6,5	013	<u>Na</u>		
14	118222020	Danh Thị Na Rin	27/06/2004	Nữ	8.5	5,0	6,8	014	<u>Rin</u>		
15	118222021	Neàng Kun Thia	04/07/2004	Nữ	8.0	6,5	7,3	015	<u>Kun</u>		
16	118222022	Thạch Thị Chanh Thu	01/01/2004	Nữ	9.0	5,3	7,2	016	<u>Thy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phước Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22XD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

26 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐH. 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111722001	Nguyễn Tuấn Anh	26/06/2004	Nam	<u>715</u>	<u>3,5</u>	<u>5,5</u>	<u>018</u>	<u>My</u>		
2	111722017	Lâm Tấn Lộc	02/07/2004	Nam	<u>710</u>	<u>4,5</u>	<u>5,8</u>	<u>019</u>	<u>haz</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thị Ngọc Luyện

Cán bộ ghi điểm: Thanh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành